



GIẢI PHÁP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC GÓP PHẦN THÚC ĐẨY KINH TẾ TỈNH CÀ MAU

PGS., TS. PHẠM HỮU HỒNG THÁI, THS. NGÔ THỊ HỒNG GIANG, THS. NGUYỄN THỊ HẢO

Thời gian qua, việc khai thác, sử dụng các nguồn lực hiện có của tỉnh Cà Mau vào phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương tăng trưởng và phát triển bền vững. Bài viết nêu ra thực trạng sử dụng các nguồn lực của tỉnh Cà Mau trên 3 phương diện (đất, vốn và lao động), từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh.

Từ khóa: Khai thác, sử dụng nguồn lực, phát triển kinh tế, tỉnh Cà Mau

The recent exploitation and use of the existing resources of Ca Mau province on socio-economic development has achieved positive results, contributing to its local sustainable growth. The paper identifies the current situation of resource use of Ca Mau province on three aspects (land, capital and labor), thereby proposing some solutions to improve the efficiency of using resources and to promote local economic development.

Key words: Exploitation, use of resources, economic development, Ca Mau province

Thực trạng khai thác sử dụng các nguồn lực địa phương

Thực trạng sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Cà Mau chủ yếu là tập trung vào nông, lâm nghiệp và thủy sản với diện tích trung bình cả giai đoạn 2010-2016 là 461.870 ha trong tổng diện tích đất trung bình của tỉnh Cà Mau là 525.807 ha. Diện tích đất đã đưa vào sử dụng chiếm 98,4% (giai đoạn 2010-2013); đất chưa sử dụng còn 8.543 ha chiếm hơn 1,6% trong tổng diện tích đất của Tỉnh. Tuy nhiên, từ năm 2014, Cà Mau đã khai thác thêm diện tích 3.653 ha đất chưa sử dụng và 878 ha đất có mặt nước ven biển.

Mặc dù tỷ lệ đất đưa vào sử dụng của Tỉnh khá cao, nhưng trong đó 87,8% diện tích đất được sử dụng cho nông nghiệp (2010), tỷ lệ này chỉ giảm 0,4% xuống còn 87,4% (2013), số liệu sơ bộ năm 2016 tỷ lệ này là 88,2%. Điều này cho thấy kinh tế của Tỉnh chủ

yếu vẫn là nông nghiệp và trong cả giai đoạn nghiên cứu cơ cấu sử dụng đất để phát triển kinh tế của tỉnh Cà Mau không có sự chuyển dịch đáng kể. Tuy nhiên, năng suất đất sử dụng của Tỉnh lại có sự gia tăng qua các năm trong cả giai đoạn nghiên cứu, trong 6 năm năng suất đất sử dụng đã tăng lên 29,28 triệu đồng/ha, bình quân mỗi năm tăng 8,84 triệu đồng/ha.

Cụ thể, năng suất đất sử dụng cho khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong cả giai đoạn chỉ đạt trung bình 19,32 triệu đồng/ha; khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt bình quân là 320,87 triệu đồng/ha. Trong cả giai đoạn tỷ lệ thay đổi của năng suất đất sử dụng tăng trung bình 12,58%. Đây là nhờ sự chuyển dịch cơ cấu có sự phát triển hài hòa giữa các thành phần kinh tế, đồng thời kinh tế tư nhân, đầu tư nước ngoài đã ngày càng góp phần lớn vào phát triển kinh tế của Tỉnh.

Với diện tích 71.000 km² vùng biển, trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Cà Mau, thủy sản được coi là lĩnh vực mũi nhọn. Trong giai đoạn 2010-2016, việc sử dụng mặt nước trong phát triển kinh tế của tỉnh Cà Mau chuyển dịch theo hướng tăng sử dụng mặt nước lợ và giảm dần diện tích sử dụng nước mặn. Cụ thể, theo Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau (2014 & 2016), tỷ trọng diện tích nước lợ đã gia tăng từ 62.452 ha năm 2010 lên 276.433 ha năm 2016; diện tích sử dụng nước mặn giảm từ 205.756 ha (năm 2010) xuống còn 920 ha (năm 2016). Tuy nhiên, 89,97% diện tích mặt nước (cả nước mặn, nước lợ và nước ngọt) năm 2010 của Tỉnh để nuôi tôm. Tỷ trọng này cũng được duy trì trong các năm tiếp theo với diện tích nuôi tôm vẫn chiếm xấp xỉ 90%, năm 2016 lên tới 93,8%. Ngoài ra, dù thủy sản được xác định là ngành mũi nhọn giúp kinh tế tỉnh Cà Mau tăng trưởng nhưng lĩnh vực ương, nuôi giống thủy sản hiện chưa được chú trọng phát triển



BẢNG 1: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2010 - 2016 CỦA TỈNH CÀ MAU (ha)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Sơ bộ 2016
Tổng diện tích	529.487	529.487	529.487	529.487	522.144	522.119	522.119
- Đất nông nghiệp	464.769	463.240	462.923	462.708	460.847	460.750	460.750
- Đất phi nông nghiệp	55.742	57.702	58.019	58.236	56.406	56.479	56.479
- Đất chưa sử dụng	8.976	8.545	8.545	8.543	4.890	4.890	4.890
- Đất có mặt nước ven biển	-	-	-	-	878	878	878

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau 2014, 2016

tại Tỉnh. Cụ thể diện tích ương, nuôi giống thủy sản giảm dần qua các năm, từ 10ha (2010) xuống 6ha (2014).

Thực trạng sử dụng lao động

Nhận thức được vai trò của lao động trong phát triển kinh tế, trong suốt giai đoạn từ năm 2010 - 2016 nguồn lao động của tỉnh Cà Mau tham gia vào 20 ngành kinh tế. Trong đó, nhóm ngành kinh tế sử dụng nhiều lao động nhất chiếm 72,84% (năm 2010) và 62,19% (năm 2016) lực lượng lao động của Tỉnh thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (trung bình là 65,23%), còn 34,77% lao động làm việc trong 19 nhóm ngành còn lại. Kết quả này cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động của Cà Mau trong những năm qua đã và đang theo hướng CNH, HĐH chung của đất nước. Tuy nhiên, sự dịch chuyển này diễn ra tương đối chậm chạp bởi trong giai đoạn 7 năm chỉ giảm được 10,65% lao động trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Trong khi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, mặc dù có chính sách ưu tiên phát triển nhưng sự gia tăng sử dụng lao động cho ngành này chưa thực sự đáng kể, cụ thể năm 2010 chiếm 5,32% trong lực lượng lao động, năm 2011 tăng lên 5,42% và trong năm 2016 cũng chỉ có 6,04%.

Ngoài ra, nếu chia lực lượng lao động làm việc theo cơ cấu 3 khu vực là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, trong đó khu vực nông nghiệp bao gồm: nông - lâm - thủy sản và khai khoáng; Khu vực công nghiệp bao gồm Công nghiệp chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải và xây dựng; Khu vực dịch vụ bao gồm tất cả các ngành còn lại. Cho thấy, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm trung bình khoảng 1,52%. Hai khu vực còn lại chuyển dịch theo hướng tăng dần việc sử dụng lao động. Trong đó, lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng của Tỉnh đã tăng từ 6,93% năm 2011 lên 11,15% năm 2016 tăng 4,22%, trung bình mỗi năm lực lượng lao động tham gia vào khu vực này tăng 0,7%. Khu vực dịch vụ cũng có sự chuyển dịch đáng kể, lực lượng lao động làm việc trong khu vực này đã tăng từ 20,43% năm 2011 lên 26,67% năm 2016 tăng

6,24%, trung bình mỗi năm tăng gần 1,04%. Kết quả này là nhờ các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong thời gian qua đã theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, khi so sánh sự thay đổi trong sử dụng lao động với tăng trưởng

kinh tế để xem xét tính hiệu quả trong sử dụng lao động cho thấy, có thay đổi nhỏ sử dụng lao động (662.470 người năm 2011 và năm 2016 là 691.725 người), trong khi đó tổng sản phẩm theo giá so sánh có chiều hướng tăng mạnh từ 20.368.986 triệu đồng (năm 2011) tăng lên 35.371.752 triệu đồng (năm 2016). Điều này cho thấy năng suất lao động của tỉnh Cà Mau có sự chuyển dịch tích cực. Tuy nhiên, khi xem xét qua tỷ lệ thay đổi của lao động với tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm cho thấy có sự thay đổi không ổn định qua từng năm trong giai đoạn. Cụ thể, tỷ lệ thay đổi lao động trong năm 2013 là âm 11,1% nhưng tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của Tỉnh vẫn đạt 8% do tỷ lệ lao động trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 1,2% (năm 2012) xuống âm 30,6% (năm 2013) trong khi ngành công nghiệp và xây dựng có sự gia tăng trong tỷ lệ từ 1,2% (năm 2012) lên 74,5% (năm 2013), đồng thời ngành dịch vụ cũng có sự gia tăng mạnh từ 1,2% (năm 2012) lên 29,1% (năm 2013). Sự không ổn định này tiếp tục xảy ra trong năm 2014 khi tỷ lệ thay đổi lao động tăng vọt lên 15,1%, đồng thời tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm cũng tăng lên 35%. Tuy nhiên, sang đến năm 2015 và 2016 có sự sụt giảm trở lại gần bằng giai đoạn 2012-2013.

Thực trạng sử dụng vốn

Trong cả giai đoạn 2011-2016, tổng vốn đầu tư của Tỉnh có chiều hướng giảm dần (năm 2011 là 14.729.296 triệu đồng, năm 2014 chỉ còn 8.290.605 và sơ bộ năm 2016 là 10.167.789 triệu đồng). Mặc dù giảm nhưng nguồn vốn được đầu tư có xu hướng chuyển dịch phù hợp. Cụ thể là vốn đầu tư nhà nước trên địa bàn đã giảm từ 10.451.109 triệu đồng (năm 2011) xuống còn 3.306.401 triệu đồng (sơ bộ năm 2016). Trong khi đó, vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước đã tăng từ 4.277.826 triệu đồng (năm 2011) lên 6.841.858 triệu đồng (sơ bộ 2016) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tăng đáng lưu ý (năm 2011 chỉ có 361 triệu đồng, nhưng đến năm 2016 ước tính là 19.530 triệu đồng). Điều này cho thấy, chính sách thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài của tỉnh Cà Mau thời gian qua đã phát huy hiệu quả, tạo tiền đề thuận lợi giúp cho kinh tế Cà Mau có sự chuẩn bị tốt cho phát triển kinh tế trong giai đoạn hội nhập.

BẢNG 2: NĂNG SUẤT ĐẤT SỬ DỤNG CỦA TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

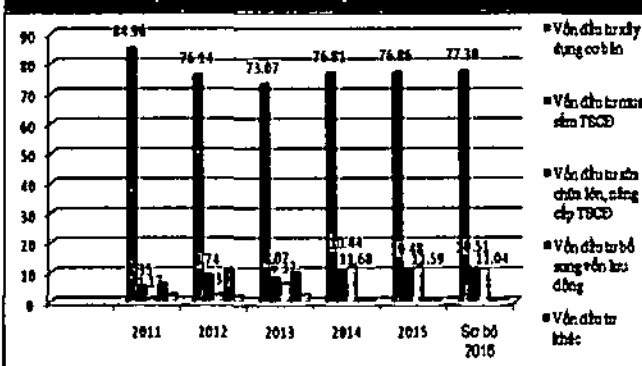
	2011	2012	2013	2014	2015	Sơ bộ 2016
Tổng sản phẩm theo giá so sánh 2010 (triệu đồng)	20.368.986	21.984.264	23.733.660	32.032.192	33.640.025	35.371.752
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7.253.752	7.776.968	8.252.931	9.717.747	10.218.331	10.316.166
Công nghiệp và xây dựng	7.857.807	8.364.398	8.980.904	9.968.428	10.109.158	10.001.653
Dịch vụ	5.257.425	5.842.899	6.499.824	11.208.642	12.036.387	13.702.874
Năng suất đất sử dụng (triệu đồng/ha)	38,47	41,52	44,82	61,35	64,43	67,75
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	15,66	16,80	17,84	21,09	22,18	22,39
Công nghiệp và xây dựng, dịch vụ	227,29	244,87	265,83	375,44	392,10	419,71
Tỷ lệ thay đổi của năng suất đất sử dụng		7,93%	7,96%	36,86%	5,02%	5,15%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản		7,29%	6,17%	18,22%	5,17%	0,96%
Công nghiệp và xây dựng, dịch vụ		7,73%	8,56%	41,23%	4,44%	7,04%

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau 2014, 2016 và tính toán của tác giả

Khi phân tích cơ cấu vốn đầu tư theo cấu thành tài tỉnh Cà Mau có vài điểm đáng quan tâm như: vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản được duy trì ổn định và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư trung bình cả giai đoạn 2011-2016 chiếm khoảng 77,52%, vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định chiếm trung bình 8,93%; vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định chiếm trung bình 7,36%; hai phần còn lại là vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động và vốn đầu tư khác chiếm tỷ trọng trung bình tương đối nhỏ chỉ 6,18%. Sự duy trì tỷ trọng ổn định giữa vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn đầu tư khác trong cả giai đoạn 2011-2016 cho thấy sự chuẩn bị có tính chất dài hạn trong chiến lược phát triển kinh tế của Tỉnh, cũng như sự nỗ lực của địa phương nhằm chuẩn bị tốt cho sự hội nhập kinh tế khu vực.

Để đánh giá tính hiệu quả trong sử dụng vốn, cần phải xem xét chỉ tiêu năng suất sử dụng vốn. Số liệu cho thấy trong 6 năm thì năng suất vốn sử dụng của Cà Mau tăng gần 2 lần. Trong đó, khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản có năng suất vốn sử dụng cao nhất trung bình cứ 1 đồng vốn thì tạo ra 16,3 đồng. Mặc dù 2 khu vực còn lại nhỏ hơn nhưng cũng có xu hướng tăng qua các năm. Trung bình khu vực công nghiệp và xây dựng đầu tư 1 đồng thì đạt được 1,8 đồng, còn khu vực dịch vụ đạt 3,1 đồng.

HÌNH 1: CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ PHÂN THEO CẤU THÀNH TẠI CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2011-2016 (%)



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau 2014, 2016 và hình vẽ của tác giả

Số liệu thống kê về tỉ lệ thay đổi của năng suất vốn sử dụng theo khu vực cho thấy tất cả các khu vực đều có tỉ lệ thay đổi của năng suất vốn sử dụng đều giảm (năm 2012 là 49,3%, năm 2013 là 22,3% và năm 2016 là -4,3%). Khu vực công nghiệp và xây dựng giảm nghiêm trọng từ 72,4% (năm 2012) xuống còn -15,4% (năm 2016). Điều này chứng tỏ Tỉnh mới bắt đầu thu hút vốn đầu tư và việc đầu tư này chưa đi vào ổn định.

Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực

Để có thể đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH, phát triển toàn diện mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương, Cà Mau cần phải nỗ lực nhiều hơn để nâng cao năng lực, khả năng sản xuất của mình. Trong đó, cần chú trọng một số giải pháp sau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có để thúc đẩy phát triển kinh tế của toàn Tỉnh, cụ thể:

Đối với nguồn nhân lực

Cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ bằng những chính sách ưu đãi cả về vật chất lẫn tinh thần như hỗ trợ chi phí, tạo điều kiện học tập, chế độ đãi ngộ hợp lý với người lao động sau đào tạo trở về phục vụ địa phương; Đẩy mạnh đầu tư, liên kết đào tạo chuyên nghiệp, đa dạng hóa các hình thức dạy nghề, có chính sách ưu đãi cho lao động nông nghiệp chuyển đổi sang các ngành khác. Thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế... Tạo môi trường làm việc để người lao động có thể mạnh dạn áp dụng những phát minh sáng kiến, những tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như cải tiến cách thức làm việc hiệu quả sau khi họ học tập quay lại địa phương làm việc...

Đối với nguồn vốn

Xây dựng hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, trong đó phát huy nội lực là chủ yếu. Khai thác và sử dụng tốt các nguồn vốn từ quỹ đất; đồng thời chú

BẢNG 3: NĂNG SUẤT VỐN SỬ DỤNG CỦA TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2011-2016

	2011	2012	2013	2014	2015	Sơ bộ 2016
Vốn	14.729.296	10.647.695	9.402.057	8.290.605	9.251.338	10.167.789
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	637.058	788.752	843.964	1.855.410	2.095.236	2.202.106
Công nghiệp và xây dựng	11.402.589	7.040.388	5.655.725	1.129.484	1.349.472	1.578.972
Dịch vụ	2.689.649	2.818.555	2.902.368	5.305.711	5.806.630	6.386.711
Tổng sản phẩm (giá so sánh 2010)	20.368.986	21.984.264	23.733.660	32.032.192	33.640.025	35.371.752
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7.253.752	7.776.968	8.252.931	9.717.747	10.218.331	10.316.166
Công nghiệp và xây dựng	7.857.807	8.364.398	8.980.904	9.968.428	10.109.158	10.001.653
Dịch vụ	5.257.425	5.842.899	6.499.824	11.208.642	12.036.387	13.702.874
Năng suất vốn sử dụng (%)	1,38	2,06	2,52	3,86	3,64	3,48
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	11,39	9,86	9,78	5,24	4,88	4,68
Công nghiệp và xây dựng	0,69	1,19	1,59	8,83	7,49	6,33
Dịch vụ	1,95	2,07	2,24	2,11	2,07	2,15
Tỷ lệ thay đổi của năng suất vốn (%)		49,3%	22,3%	53,1%	-5,9%	-4,3%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản		-13,4%	-0,8%	-46,4%	-6,9%	-3,9%
Công nghiệp và xây dựng		72,4%	33,7%	455,8%	-15,1%	-15,4%
Dịch vụ		6,1%	8,0%	-5,7%	-1,9%	3,5%

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau 2014, 2016 và tính toán của tác giả

trọng thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực như dịch vụ, y tế, giáo dục, thể thao...

Xây dựng chiến lược quảng bá địa phương đồng bộ và có hiệu quả nhằm mời gọi dòng vốn chảy vào địa phương. Cụ thể, Tỉnh cần phải xác định rõ những vấn đề như: Xác định danh mục ngành cần và có khả năng thu hút vốn đầu tư; Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư đổi mới công nghệ trong lĩnh vực kinh tế chủ đạo theo hướng sản phẩm chất lượng cao; Thiết kế hình ảnh thể hiện cam kết của địa phương, tập trung vào lợi ích của nhà đầu tư...

Đối với nguồn tài nguyên đất đai

Cần nâng cao công tác quản lý sử dụng tiết kiệm các loại đất đai hiện có. Phân bổ quy hoạch đất cho các ngành, lĩnh vực một cách phù hợp, khoa học, hiệu quả và tầm nhìn dài hạn, đồng thời áp dụng các giải pháp làm giàu và bảo vệ môi trường đất, cụ thể:

- Đối với đất nông nghiệp: Cần ổn định diện tích sản xuất lúa chuyên canh ở các vùng quy hoạch.

- Đối với diện tích nuôi thủy sản: Cần quy hoạch mặt nước theo hướng nghiên cứu phát triển khả năng canh tác rộng và phổ biến trên diện tích nước lợ và nước mặn.

- Đối với lâm nghiệp: Cần nghiên cứu trồng một số loại cây rừng khác ngoài rừng tràm phù hợp với điều kiện đất đai và hệ sinh thái rừng của Tỉnh, nhằm đạt được hiệu quả về mặt kinh tế nhưng vẫn phải đảm bảo cân bằng hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ môi trường.

Đối với ngành kinh tế trọng điểm

Tiếp tục tập trung nguồn lực cho ngành có lợi thế và tiềm năng - nuôi thủy sản, nhằm gia tăng nội lực cho địa phương chuẩn bị tốt cho sự chuyển dịch sang những ngành có giá trị gia tăng cao. Theo đó, Tỉnh cần chú trọng một số vấn đề sau:

- Đa dạng hóa hình thức nuôi trồng cũng như đa dạng hóa vật nuôi và sản phẩm.

- Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trong các vùng nuôi, ương giống thủy sản, gắn kết các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu với các vùng nuôi trồng thông qua các hợp đồng kinh tế.

- Tiếp tục tăng cường công tác khuyến ngư, từng bước hiện đại hóa hệ thống sản xuất giống thủy sản, quy hoạch đầu tư các vùng giống thủy sản tập trung.

- Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng cho nuôi, đánh bắt và chế biến thủy sản, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản. Rà soát, sắp xếp lại đội tàu đánh bắt xa bờ, hệ thống cảng cá, các khu neo đậu trú bão.

Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Văn Hải & Vũ Sỹ Cường, Giáo trình quy hoạch và quản lý đất đai, NXB Tài chính, 2014;
2. Nguyễn Trọng Hoài, Kinh tế phát triển, NXB Kinh tế TP. HCM, 2013;
3. Văn Đình Tuấn, Nguồn nhân lực trong công cuộc CNH, HĐH, <http://trungchinhtrina.gov.vn/>;
4. UBND tỉnh Cà Mau, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020;
5. Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau, 2014 và 2016.